TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày: 24/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1966, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, khóm Thị 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc A (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có chồng: Phạm Văn T1 (đã chết), có 02 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995;

Tiền án: Ngày 25/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt ngày 02/3/2021, nhưng chưa thực hiện nộp án phí hình sự sơ thẩm;

Tiền sự: không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023 đến ngày 31/3/2023 chuyển tạm giam cho đến nay (hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C); bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trần Thanh H, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 28/3/2023, bị cáo Trần Thị T đi xe buýt từ nhà thuộc khóm Thị 1, thị trấn M huyện C, tỉnh An Giang đến khu vực ấp A, xã A, huyện C để tìm chỗ khám bệnh, nhưng do phòng khám Đ ngưng hoạt động, nên T đi bộ về hướng xã M để đón xe buýt về nhà, nhưng khi đi được khoảng 200m, thấy cửa nhà trước của Trần Thanh H và Nguyễn Ngọc D mở, T quan sát xung quanh không có người, nên lén đi vào bên trong nhà tìm tài sản để lấy trộm. T nhìn thấy cặp vách buồng ngủ có treo 01 cái quần dài bằng vải màu đen, trong túi quần trước bên phải có 01 cái bóp da, nên T dùng tay lấy cái bóp ra khỏi túi quần, mở bóp lấy 2.050.000 đồng cầm trên tay phải, quay người đi để tẩu thoát thì bị Trần Thị Ngọc H1 (con của H và D) phát hiện, tri hô, tạm giữ, người dân báo cho Công an xã A đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ được là số tiền 2.050.000 đồng, đã trao trả cho Trần Thanh H, Nguyễn Ngọc D, do ông Trần Thanh H nhận.

Tại quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSCM ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố Trần Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Trần Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo không có tranh luận, khẳng định việc không đề nghị người bảo chữa theo chỉ định là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tại lời nói sau cùng bị cáo mong giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, xác định việc truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, khẳng định bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý hình sự nhiều lần, lần gần nhất ngày 25/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong ngày 02/3/2021, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo; vật chứng đã trao trả cho bị hại nên không đề cập xử lý, không đề cập xem xét về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi, vào khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 28/3/2023, từ nhà bị cáo đi đến khu vực ấp A, xã A (bằng xe buýt) với mục đích khám bệnh tại Phòng khám Đ, nhưng do phòng khám không còn hoạt động, nên bị cáo có ý định quay trở về nhà bằng xe buýt, trên đường đi bộ ra điểm đón xe (thời điểm này khoảng 07 giờ 25 phút cùng ngày) bị cáo phát hiện có một căn nhà đang mở cửa, không có ai ở nhà, nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp, khi vào nhà bị cáo tìm tài sản phát hiện có 01 cái quần vải, màu đen treo tại cửa buồng, bị cáo đã dùng tay phải đưa vào túi quần và lấy được 01 ví (bóp), lấy được số tiền có mệnh giá từ 50.000 đồng, đến 200.000 đồng cầm trên tay (sau này, tại Công an xã A khi kiểm đếm mới xác định được số tiền là 2.050.000 đồng), khi bị người nhà bị hại phát hiện bị cáo sợ, nên đã dấu số tiền này trên giàn máy may, và đi ra bên ngoài nói dối với người này là đi tìm nhà người quen tên V1. Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại, tài sản chiếm đoạt có giá trị 2.050.000 đồng, khi phạm tội chưa được xóa án tích, nên hành vi tội phạm của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khi thực hiện tội phạm bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng do bị cáo khi phạm tội chưa được xóa án tích còn tiếp tục vi phạm, có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý về hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để răn đe và phòng ngừa

chung. Do đó, Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSCM ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đến nay chưa chấp hành phần án phí hình sự sơ thẩm theo Quyết định tại Bản án số 34/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án huyện C, chưa được xóa án tích, bị cáo còn tiếp tục vi phạm, nên thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài ra người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy, cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu khác, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.050.000 đồng *(hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thực hiện trả lại số tiền này cho bị hại theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"*;*

Xử phạt: Trần Thị T 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 28/3/2023 *(ngày hai mươi tám tháng* ba *năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).*

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Số tiền 2.050.000 đồng *(hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thực hiện trả lại số tiền này cho bị hại nên không đề cập xem xét, quyết định *(theo Quyết định xử lý vật chứng số 16 ngày 31/3/2023).*

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Không đề cập xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới (1);
- CQTHAHS Công an H. Chợ Mới (1);
- CQĐT Công an H. Chợ Mới (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên

(1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).